TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2020
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hùng;

2. Bà Huỳnh Ánh Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Vân –Kiểm sát viên. Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2020/TLST-HN&GĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về "tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ Y, sinh năm 1993; Địa chỉ: số 299/1 TR, tổ 13, khóm 7, phường Z, thành phố C, tỉnh An Giang;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Sơn H, sinh năm 1987; Địa chỉ: số 378, khóm P, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị Mỹ Y và ông Nguyễn Sơn H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ Y trình bày: Bà Y và ông H tự quen biết và chung sống với nhau như vợ chồng. Đến năm 2017, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố C. Do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau và đã không sống chung từ 2018 đến nay. Nay bà Y làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông H. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Trần BC, sinh ngày 05/11/2017. Bà Y xin được quyền nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng.Về tài sản chung, nợ chung: Không có,

không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 13/5/2020, ông H trình bày: Thống nhất với thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như theo đơn khởi kiện của bà Y. Vợ chồng ông H bà Y có xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Tình cảm không còn nên ông H đồng ý theo yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Y. Thống nhất, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần BC, sinh ngày 05/11/2017, con chung hiện do bà Y đang nuôi dạy và đồng ý để bà Y tiếp tục nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do ông H có đơn xin vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, được Hội đồng xét xử chấp nhận nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự như theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị Mỹ Y và ông Nguyễn Sơn H có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Ông Nguyễn Sơn H và bà Nguyễn Thị Mỹ Y thống nhất thuận tình ly hôn và giao con chung Nguyễn Trần BC cho bà Y tiếp tục tiếp tục nuôi dạy, ông H không cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51,56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Sơn H. Ông H cư trú tại số 378, khóm P, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Y, bị đơn ông H vắng mặt tại phiên tòa và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H, bà Y.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông H chung sống với nhau từ năm 2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố C số 133 ngày 15/9/2017 theo Trích lục kết hôn số 133/TLKH-BS ngày 15/9/2017 nên là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng pH có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng bà Y, ông H đã không còn sống chung với nhau từ năm 2018, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc cho ai, có kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Bên cạnh đó, tại bản tự khai ông H đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y về việc ly hôn với ông H theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Y và ông H cùng xác định trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần BC, sinh ngày 05/11/2017. Từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung đến nay, cháu Châu sống cùng với bà Y, bà Y có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Châu và ông H đồng ý giao cháu Châu cho bà Y tiếp tục nuôi dạy. Xét giao con chung Nguyễn Trần BC cho bà Y tiếp tục nuôi dạy.

Bà Trần Thị Mỹ Y cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Sơn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Y không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Thị Mỹ Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp.

Ông Nguyễn Sơn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ Y.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ Y được ly hôn với ông Nguyễn Sơn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 133, ngày 15/9/2017 của Ủy ban nhân dân phường N, thành phố C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ Y được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Trần BC, sinh ngày 05/11/2017 cho đến tuổi trưởng thành; Ông Nguyễn Sơn H không pH cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị Mỹ Y cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Sơn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Trần Thị Mỹ Y phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0003749 ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C; bà Y đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Sơn H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bà Trần Thị Mỹ Y, ông Nguyễn Sơn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

Lê Ngọc Tiền